

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp về việc “Tranh chấp hợp đồng giao khoán đất rừng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2019/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Quốc L, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, huyện N, tỉnh C .

- Bị đơn: Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C .

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Xê – Trưởng Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Quách D1, sinh năm 1966 – Phó trưởng Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng. Theo giấy ủy quyền ngày 28/5/2018 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C .

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1973 (vắng mặt);

2. Ông Trần Văn N1, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 6, thị trấn, huyện N, tỉnh C ..

3. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1975 (vắng mặt);

4. Ông Võ Văn M2, sinh năm 1981 (có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn, huyện N, tỉnh C ..

5. Bà Lê Bích T, sinh năm 1975 (vắng mặt);

6. Anh Ngô Việt D2, sinh năm 1993 (vắng mặt);

7. Chị Ngô Mỹ N2, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, huyện N, tỉnh C .

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Quốc L – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Ông Ngô Quốc L, Nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 1990 ông nhận khoán với Lâm trường Duyên Hải với phần đất 4,33 ha, sau đó Lâm trường Duyên Hải giải thể và sáp nhập với Lâm ngư trường công ích Kiến Vàng (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V). Đến năm 1999 Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V có cấp cho ông sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp với diện tích 4,33 ha tọa lạc tại khóm 6, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau nhưng diện tích đo đạc thực tế hiện nay là 3,51 ha như vậy còn thiếu của ông là 0,82 ha so với sổ hợp đồng giao khoán. Phần đất có tứ cận là phía Đông giáp sông Kinh Một, phía Tây giáp thửa 99 hộ ông Nguyễn Quốc Hùng, phía Nam giáp thửa 175 hộ ông Trần Văn Tuấn, phía Bắc giáp thửa 96 hộ ông Lý Văn Hợi. Nay ông yêu cầu Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V trả diện tích giao khoán ban đầu theo sổ giao khoán năm 1999 với diện tích 4,33 ha. Thành quả lao động phần đất tranh chấp có giá trị là 100.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V ông Quách D1, Bị đơn trình bày: Từ thời điểm giao khoán đất lâm nghiệp là năm 1999 theo Nghị định 01 của Thủ tướng Chính phủ cho đến nay đối với phần đất của ông L thì Ban quản lý không thu hồi hay thay đổi gì về diện tích so với hiện trạng ban đầu. Để thực hiện theo Nghị định 135 thay đổi sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp cho tất cả các hộ nhận giao khoán trên khu vực rừng sản xuất trong đó có thửa đất của ông L. Trước đây khi đo đạc giao khoán thì do cán bộ kỹ thuật chưa có máy đo đạc nên đo đạc bằng thủ công kéo dây sau này khi đo đạc để đổi sổ thì Ban quản lý rừng có kết hợp với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Cà Mau thì cách thức đo được hỗ trợ bằng máy và không ảnh. Hiện nay phần đất của ông L về diện tích thực tế và các phần tiếp giáp không có thay đổi, vì sự đo điểm có sự chênh lệch về diện tích không riêng gì đối với phần đất của ông L mà những thửa khác cũng có sự chênh lệch. Phần đất rừng giao khoán do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao khoán cho Ban quản lý và Ban quản lý giao lại cho các hộ dân trong đó có hộ của ông L. Nay ý kiến của Ban quản lý về phần đất của ông L cũng có sự thay đổi về diện tích giao khoán trong sổ nhưng vị trí và các phần tiếp giáp không có sự thay đổi so với

hiện trạng ban đầu nên không chấp nhận yêu cầu của ông L. Về giá trị thành quả lao động phần đất tranh chấp Ban quản lý sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Bích T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Ngô Quốc L là yêu cầu Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V trả lại phần đất giao khoán còn thiếu diện tích 0,82 ha.

Ông Võ Văn M2, bà Võ Thị Mãnh thống nhất trình bày: Phần đất tranh chấp của ông Ngô Quốc L và Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V là ông, bà mua trúng đấu giá từ Cơ quan bán đấu giá tỉnh Cà Mau mua vào ngày 06/5/2018 giá mua khoảng 496.000.000 đồng. Đến ngày 28/6/2018 âm lịch Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển tiến hành giao đất cho ông, bà diện tích phần đất căn cứ vào sổ hợp đồng giao khoán năm 2014, khi ông mua đất thì ông không biết phần đất xảy ra tranh chấp. Về tranh chấp của ông Ngô Quốc L và Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V thì ông, bà không có ý và yêu cầu gì vì ông, bà mua phần đất trên là hợp pháp. Đối với hợp đồng thuê đất giữa ông, bà và ông N1, ông bà không yêu cầu giải quyết vì giữa ông bà và ông N1 không xảy ra tranh chấp.

Ông Trần Văn N1, bà Nguyễn Thị A thống nhất trình bày: Phần đất tranh chấp của ông Ngô Quốc L và Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V đã được ông Võ Văn M2 mua trúng đấu giá và hiện nay ông M2 đã cho ông, bà thuê lại thời hạn thuê là 03 năm, giá thuê mỗi năm 35.000.000 đồng. Việc tranh chấp giữa ông L với Ban quản lý ông không có ý kiến và yêu cầu gì vì ông, bà thuê đất từ ông M2 chứ không phải của ông L. Đối với hợp đồng thuê đất giữa ông bà và ông M2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2019/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Điều 2, 7, 16 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ.

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Quốc L về việc yêu cầu Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V trả cho ông phần đất có diện tích 0,82 ha.

2. Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch ông Ngô Quốc L phải chịu 5.000.000 đồng. Ngày 12 tháng 3 năm 2018, đã dự nộp tạm ứng số tiền 1.250.000 đồng được đối trừ, ông L tiếp tục nộp 3.750.000 đồng, ông L có nghĩa vụ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/11/2019, ông Ngô Quốc L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và xem lại án phí dân sự đã áp dụng, vì ông L thuộc diện được miễn án phí 50%.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Ngô Quốc L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu của ông L về xin miễn giảm án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của ông Ngô Quốc L. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Vào năm 1990 ông Ngô Quốc L nhận khoán với Lâm trường Duyên Hải với phần đất rừng diện tích 4,33 ha, sau đó Lâm trường Duyên Hải giải thể và sáp nhập với Lâm ngư trường công ích Kiến Vàng (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V). Đến năm 1999, Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V có cấp cho ông L sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp với diện tích 4,33 ha tọa lạc tại khóm 6, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Đến năm 2013 thì ông L được ký xác lập lại hợp đồng nhận khoán diện tích 3,51 ha. Hiện nay, phần đất nêu trên ông L đã bán đấu giá xong (ông Võ Văn M2 trúng đấu giá), nhưng ông L nhận thấy đất còn thiếu, nên ông L tiếp tục đòi Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V giao tiếp 0,82 ha.

[3] Xét căn cứ khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình khởi kiện nguyên đơn xuất trình được 02 sổ giao khoán rừng như đã nêu trên (sổ giao khoán năm 1999 và sổ giao khoán năm 2013). Điện diện Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V xác định từ thời điểm giao khoán đất lâm nghiệp là năm 1999 cho đến nay đối với phần đất của ông L, thì Ban quản lý không thu hồi hay thay đổi gì về diện tích so với hiện trạng ban đầu. Năm 2013, Nhà nước có chủ trương đồng loạt thay đổi sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp cho tất cả các hộ nhận giao khoán trên khu vực rừng sản xuất, trong đó có thửa đất của ông L, thì vị trí, tứ cận phần đất ông L nhận khoán không thay đổi. Về diện tích đất ghi trên sổ giao khoán năm 2013, ông L nhận khoán có sự chênh lệch giảm (so với sổ cấp vào năm 1999), Ban quản lý rừng xác định khi đo đạc giao khoán thì trước đây do cán bộ kỹ thuật chưa có máy đo đạc, đo đạc bằng thủ công kéo dây (độ chính chính xác không cao), sau này khi đo đạc để đổi sổ thì Ban quản lý rừng có kết hợp với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Cà Mau, thì cách thức đo được hỗ trợ bằng máy và không ảnh, nên diện tích như đã nêu là đúng, ông L nhận khoán đất cũng không có ý kiến gì vào thời điểm đổi sổ giao khoán. Qua đo

đặc thực tế, phần đất ông M2 trúng đấu giá của ông L và các phần tiếp giáp không có thay đổi so với hiện trạng ban đầu. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L cũng xác định phần đất được Ban quản lý giao khoán có thay đổi về diện tích, nhưng về tứ cận không có sự thay đổi; giữa ông L với các hộ giáp ranh cũng không có tranh chấp. Đồng thời, vào năm 2017 Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển tiến hành kê biên tài sản của ông L để đảm bảo thi hành án dân sự, ông L cũng thống nhất với diện tích thực tế nêu trên (có ký tên vào biên bản kê biên tài sản), ông L cũng đồng ý để Cơ quan thi hành án bán đấu giá với diện tích nêu trên để đảm bảo thi hành án. Sau khi tài sản trên được kê biên và bán cho bên thứ ba là ông M2 sử dụng, ông L đã không còn canh tác hay sử dụng phần đất nêu trên. Nay ông L cho rằng đất giao khoán cho ông còn thiếu, ông tiếp tục đòi bị đơn giao khoán tiếp là không có cơ sở chấp nhận, từ đó án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quốc L là phù hợp. Cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Ông L kháng cáo cho rằng ông thân nhân liệt sỹ, gia đình khó khăn nên xin miễn án phí. Đối chiếu quy định pháp luật, liệt sỹ là chú của ông L, và gia đình ông L khó khăn, xét kháng cáo không phải là điều kiện được giảm, miễn án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vì vậy, xét kháng cáo của ông L xin miễn giảm án phí là không được chấp nhận, cần giữ nguyên về nội dung tuyên xử về án phí của Bản án sơ thẩm là phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Ông L phải chịu số tiền 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Quốc L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2019/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Quốc L về việc buộc Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V trả cho ông L phần đất có diện tích 0,82 ha.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Ngô Quốc L phải chịu số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 12 tháng 3 năm 2018 ông L đã dự nộp tạm ứng số tiền 1.250.000 đồng được đối trừ, ông L tiếp tục nộp 3.750.000 đồng, ông L có nghĩa vụ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Án phí phúc thẩm: Ông Ngô Quốc L phải chịu số tiền 300.000 đồng, ngày 11/11/2019 ông L đã dự nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0005960 tại Chi cục thi hành án huyện Ngọc Hiển được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út